

Đương Số: Xemtuong - Dương Nam
Cung mệnh: **Nhâm** **Ngô** - Thai Nguyên: **Nhâm** **Thân**
Thân Nhược: Kim 23/50
Dụng Thần: **Thủy**



Trụ Năm 1980 Tỷ CANH THÂN T.Sinh Canh Mậu Nhâm Tỷ Kiêu Thực T.Sinh L.Quan Tuyệt Lâm Quan Nguyệt Đức QN Tuế Lộc Đức Quý Nhân	Trụ Tháng 05 Kiếp TÂN TỶ Tử Bính Mậu Canh Sát Kiêu Tỷ L.Quan L.Quan T.Sinh Trường Sinh Thiên Đức QN Không Vong Học Đường Kiếp Sát Đức Quý Nhân Giáo Âm Lộc	Trụ Ngày 27 Thân Thương T.Sinh CANH TỶ Tử Quý Thương Thai Tử Nguyệt Đức QN Tướng Tinh Đức Quý Nhân	Trụ Giờ 12:01 Thực NHÂM NGÔ Tuyệt Đinh Kỷ Thai Quan Ân Đ.Vượng Đ.Vượng Mộc Dục Thiên Át QN Tai Sát Học Sỹ Cừu Quý PH. Phúc Tinh
Đại Vận 0 (0 - 1 tuổi) Kiếp TÂN TỶ Tử Bính Mậu Canh Sát Kiêu Tỷ L.Quan L.Quan T.Sinh	Đại Vận 1 (2 - 11 tuổi) Thực NHÂM NGÔ Thai Đinh Kỷ Quan Ân L.Quan L.Quan	Đại Vận 2 (12 - 21 tuổi) Thương QUỲ MÙI Mộ Kỷ Ất Đinh Ân Tài Quan Q.Đới Dưỡng Q.Đới	Đại Vận 3 (22 - 31 tuổi) T.Tài GIÁP THÂN Tuyệt Canh Mậu Nhâm Tỷ Kiêu Thực L.Quan Bệnh T.Sinh
Đại Vận 4 (32 - 41 tuổi) Tài ÁT DẬU Tuyệt Tân Kiếp L.Quan	Đại Vận 5 (42 - 51 tuổi) Sát BÍNH TUẤT Mộ Mậu Đinh Tân Kiêu Quan Kiếp Mộ Dưỡng Q.Đới	Đại Vận 6 (52 - 61 tuổi) Quan ĐÌNH HỢI Thai Giáp Nhâm T.Tài Thực T.Sinh L.Quan	Đại Vận 7 (62 - 71 tuổi) Kiêu MẬU TỶ Thai Mậu Quý Thương L.Quan
Đại Vận 8 (72 - 81 tuổi) Ân KỶ SỬU Mộ Kỷ Tân Quý Ân Kiếp Thương Mộ Dưỡng Q.Đới	Đại Vận 9 (82 - 91 tuổi) Tỷ CANH DẦN Tuyệt Giáp Bính Mậu T.Tài Sát Kiêu L.Quan T.Sinh T.Sinh	Đại Vận 10 (92 - 101 tuổi) Kiếp TÂN MÃO Tuyệt Tân Ất Tài L.Quan	Đại Vận 11 (102 - 111 tuổi) Thực NHÂM THÌN Mộ Mậu Ất Quý Kiêu Tài Thương Q.Đới Q.Đới Dưỡng

Tỷ 1980 1 tuổi CANH THÂN L.Quan	Kiếp 1981 2 tuổi TÂN DẬU L.Quan	Thực 1982 3 tuổi NHÂM TUẤT Q.Đới	Thương 1983 4 tuổi QUỲ HỢI Đ.Vượng	T.Tài 1984 5 tuổi GIÁP TỶ M.Dục
Tài 1985 6 tuổi ÁT SỬU Suy	⚡ Sát 1986 7 tuổi BÍNH DẦN T.Sinh	Quan 1987 8 tuổi ĐÌNH MÃO Bệnh	Kiêu 1988 9 tuổi MẬU THÌN Q.Đới	Ân 1989 10 tuổi KỶ TỶ Đ.Vượng
Tỷ 1990 11 tuổi CANH NGÔ M.Dục	Kiếp 1991 12 tuổi TÂN MÙI Suy	Thực 1992 13 tuổi NHÂM THÂN T.Sinh	Thương 1993 14 tuổi QUỲ DẬU Bệnh	T.Tài 1994 15 tuổi GIÁP TUẤT Dưỡng
Tài 1995 16 tuổi ÁT HỢI Tử	Sát 1996 17 tuổi BÍNH TỶ Thai	Quan 1997 18 tuổi ĐÌNH SỬU Mộ	Kiêu 1998 19 tuổi MẬU DẦN T.Sinh	Ân 1999 20 tuổi KỶ MÃO Bệnh
Tỷ 2000 21 tuổi CANH THÌN Dưỡng	Kiếp 2001 22 tuổi TÂN TỶ Tử	Thực 2002 23 tuổi NHÂM NGÔ Thai	Thương 2003 24 tuổi QUỲ MÙI Mộ	T.Tài 2004 25 tuổi GIÁP THÂN Tuyệt
Tài 2005 26 tuổi ÁT DẬU Tuyệt	Sát 2006 27 tuổi BÍNH TUẤT Mộ	⚡ Quan 2007 28 tuổi ĐÌNH HỢI Thai	⚡ Kiêu 2008 29 tuổi MẬU TỶ Thai	Ân 2009 30 tuổi KỶ SỬU Mộ
Tỷ 2010 31 tuổi CANH DẦN Tuyệt	Kiếp 2011 32 tuổi TÂN MÃO Tuyệt	Thực 2012 33 tuổi NHÂM THÌN Mộ	Thương 2013 34 tuổi QUỲ TỶ Thai	T.Tài 2014 35 tuổi GIÁP NGÔ Tử
Tài 2015 36 tuổi ÁT MÙI Dưỡng	Sát 2016 37 tuổi BÍNH THÂN Bệnh	Quan 2017 38 tuổi ĐÌNH DẬU T.Sinh	Kiêu 2018 39 tuổi MẬU TUẤT Mộ	Ân 2019 40 tuổi KỶ HỢI Thai
Tỷ 2020 41 tuổi CANH TỶ Tử	Kiếp 2021 42 tuổi TÂN SỬU Dưỡng	Thực 2022 43 tuổi NHÂM DẦN Bệnh	Thương 2023 44 tuổi QUỲ MÃO T.Sinh	T.Tài 2024 45 tuổi GIÁP THÌN Suy
Tài 2025 46 tuổi ÁT TỶ M.Dục	⚡ Sát 2026 47 tuổi BÍNH NGÔ Đ.Vượng	Quan 2027 48 tuổi ĐÌNH MÙI Q.Đới	Kiêu 2028 49 tuổi MẬU THÂN Bệnh	Ân 2029 50 tuổi KỶ DẬU T.Sinh
Tỷ 2030 51 tuổi CANH TUẤT Suy	Kiếp 2031 52 tuổi TÂN HỢI M.Dục	Thực 2032 53 tuổi NHÂM TỶ Đ.Vượng	Thương 2033 54 tuổi QUỲ SỬU Q.Đới	T.Tài 2034 55 tuổi GIÁP DẦN L.Quan

Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi đều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trụ năm Thân Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trụ tháng Tý Hỏa không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trụ ngày Tý Thủy được Thông căn Mộ *.

Nhật nguyên là Canh Kim gặp địa chi trụ giờ Ngọ Hỏa không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

www.XemTuong.net

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 4/10

Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Canh** sinh tháng **Ty** tọa ở **Trường Sinh** nên được Lệnh tháng.

Can Tháng **Tân** sinh tháng **Ty** tọa ở **Tử** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Canh** sinh tháng **Ty** tọa ở **Trường Sinh** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Nhâm** sinh tháng **Ty** tọa ở **Tuyệt** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Nhâm Thân** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai tức: **Ất Sửu** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Nhâm Thân và Ất Sửu này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Nhâm Thân** nạp âm là Kim, gặp cung mệnh **Nhâm Ngọ** nạp âm là **Mộc** là tương khắc, theo lý là cuộc đời Quý Anh ít được phúc lộc.

Thai nguyên **Nhâm Thân** nạp âm là Kim, gặp trụ năm **Canh Thân** nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Nhâm Thân** nạp âm là Kim, gặp trụ tháng **Tân Ty** nạp âm là Kim là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi thanh niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Nhâm Thân** nạp âm là Kim, gặp trụ ngày **Canh Tý** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Nhâm Thân** nạp âm là Kim, gặp trụ giờ **Nhâm Ngọ** nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi già có biến động nhẹ.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Canh Thân** là Kim Kim bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Tân Ty** là **Hỏa** khắc Kim.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Canh Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Nhâm Ngọ** là **Thủy** khắc **Hỏa**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức dưới trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời dụng cơ thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 3/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Tý Thân này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Canh Tý và Tân Ty này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Canh Tý và Nhâm Ngọ này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Nhược: Kim 23/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân Kim Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là 23/50 điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây 12/36 điểm cũng là thân Nhược do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Nhược Kim**. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng

nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược Kim thì dụng thần nên là **Thổ** để sinh thêm Kim, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát khỏi những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

Dụng Thần: **Thủy**

Dụng Thần là **Thủy** (dụng thần 1)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rửa, nước chảy, cày khô, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sỹ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Anh vì **Thủy** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Canh Thân** bị **Bính Dần** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Dần**.

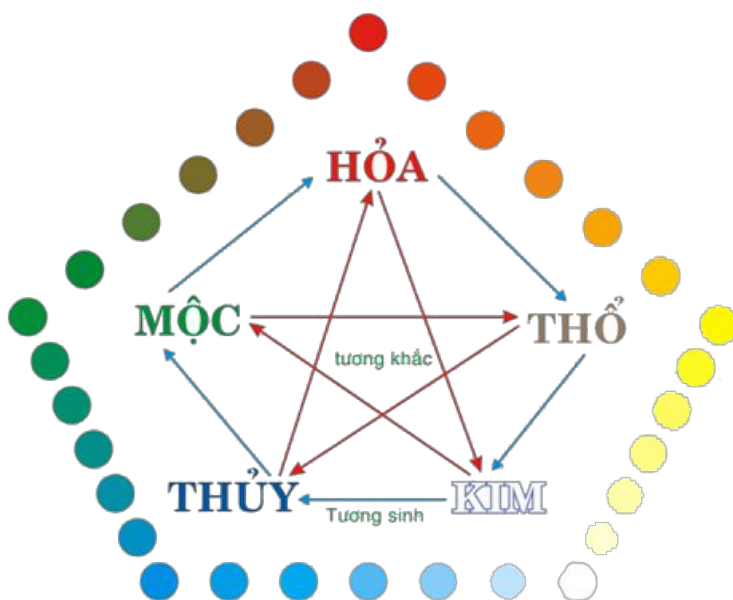
Trụ Tháng **Tân Ty** bị **Đinh Hợi** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Đinh Hợi**.

Trụ Ngày **Canh Tý** bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.

Trụ Giờ **Nhâm Ngọ** bị **Mậu Tý** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Mậu Tý**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng

Vật biểu Ngũ hành	Thanh Long Mộc	Chu Tước Hỏa	Kỳ Lân Thổ	Bạch Hổ Kim	Huyền Vũ Thủy
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tủy não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tý, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Kim

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Kim có nước da trắng hồng, đầu, trán và gương mặt cân đối, tai trắng, răng trắng; môi và lưỡi đỏ, cằm vuông, nhân trung sâu; tóc thưa, sợi nhỏ và xanh mượt; tay tròn trịa, hai bàn chân không khuyết, da lưng bàn tay đầy đặn, cứng dẽ; lưng tròn, bụng tròn, rốn sâu, tiếng nói thanh tao.Nhìn chung người thuộc Kim có số phận khá tốt, dù có đang gặp cảnh cơ hàn vẫn tin tưởng vào một tương lai sáng lạn.

Nhìn chung, người thuộc Kim hợp với phương Tây, có thể theo nghề kinh doanh hoặc các nghề có liên quan tới kim loại, có tính cứng rắn, quyết đoán, võ thuật, giám định, khai thác...

Quý Anh Người Thuộc Kim Nhược

Người mà Kim nhược thì vóc dáng gầy, nhỏ, tư cách vô tình, có khi nham hiểm, tham dâm, háo sát. Đặc biệt, đây là mẫu người tham lam vô bờ bến và biển lận. Người mà Kim quá suy cũng dễ mắc những bệnh như người thuộc Kim quá vượng như bệnh về đại tràng, phổi, gan, trĩ, vùng rốn hoặc các bệnh về da, mũi, khí quản.

Cung Mệnh ở Ngọ sao Thiên phúc

Quý Anh mệnh tốt, vinh hoa phú quý.

Trụ năm của Quý Anh có Tỷ

Trụ năm có tỷ kiên (tỉ) có khuynh hướng độc lập tự thân vận đồ.ng.

Trụ tháng của Quý Anh có Kiếp Tài

Kiếp tài (kiếp) ở trụ tháng là tiền tài khó tụ, thích đầu cơ, thích ăn mặc chưng diện. Trường hợp tọa dương nhần thì vì tiền mà bị nạn.

Trụ ngày của Quý Anh có Thương Quan

Trụ ngày có thương quan (thương) thì bạn đời tướng mạo đẹp đẽ nhưng hay nói dối. Riêng phái nữ nếu có dương nhần thì tái hôn hoặc sinh ly tử biệt. Nếu ngày có thương quan và giờ có sao tài thì trung niên phát đạt. Nếu ngày chủ suy thì hình vận thương quan thì tai nạn bất trắc, thân thể tổn thương.

Trụ giờ của Quý Anh có Thực Thần

Trụ giờ có thực thần (thực) thì con cái hòa thuận, không lo kế sinh nhai. Có tài ăn nói, thích hưởng thụ. Nếu tọa kiến lộc, vượng địa thì con cái tất phát đạt. Nếu tọa thiên ấn (kiêu) thì con gái khó lấy chồng, con trai lắm bệnh tật.

Chi ngày xung chi giờ

Ngày chi xung giờ chi: Khắc vợ tổn con.

Trong tứ trụ Quý Anh có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên Trù

Thiên trù quý nhân: Được ơn huệ chu cấp quần áo lương thực, một đời không phải lo nghĩ.

Tứ Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên đức quý nhân

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ đôn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

Tứ Trụ của Quý Anh có Nguyệt đức quý nhân

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên sát quý nhân

Thiên sát quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Trụ tháng có Dương nhãn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhãn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trong tứ trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì từu sắc phá gia tài.

b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

Trụ tháng có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Chi tháng có sông đê chủ về tính tình ngang ngược, khác người.

Tứ Trụ có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sông đê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sông đê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

Trụ tháng có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Tháng có Sông đê: tính thích khoa trương hoặc cha mẹ anh em không có tài.

Học Đường (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 137)

Học đường, từ quán chủ về tú khí phát sinh, thông minh khéo léo, văn chương nổi tiếng, cuộc đời giàu sang.

Nên được sinh vượng không nên bị khắc hại, xung, phá.

Nếu có thiên sát quý nhân hoặc cát tinh phù trợ thì tốt, nếu không thì tài năng khó thi thố, ý chí bị bó buộc.

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Lộc thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 139)

Lộc là tước lộc, nhờ có thể lực mà được hưởng gọi là lộc. Lộc là nguồn dưỡng mệnh. Lộc ở chi năm gọi là tuế lộc, ở chi tháng gọi là kiến lộc, ở chi ngày gọi là chuyện lộc, ở chi giờ gọi là quy lộc. Người thân vượng mà có lộc thì tài nên thấy khắc, lộc gặp thân yếu thì tài kỵ thấy khắc. Lộc mã từ suy đến tử, kể cả tử tuyệt, nếu không có cát thần hỗ trợ thì nhất định phá tan sự nghiệp tổ tiên. Lộc sợ nhất là nhập không vong hoặc bị xung, nếu lấy nó làm dụng thần, không may nhập không vong hoặc bị xung lại không có cát thần giải cứu thì nhất định đói rách, ăn xin, làm thuê phiêu bạt khắp nơi. Nếu không bị như thế thì cũng không có danh vọng gì, có lộc như không. Lộc phạm xung gọi là phá lộc, như lộc giáp ở dần gặp thân là phá, khí tán không tụ quý nhân thì bị đình chức, tước quan, thường dân thì cơm áo không đủ. Lộc gặp xung hoặc địa chi của tháng kiến lộc là nghèo đến mức không được hưởng nhà cửa cha mẹ để lại, hoặc rời bỏ quê hương, đi mưu sinh nơi khác. Lộc nhiều thân vượng không nên gặp sống dê (kiếp tài), nếu không sẽ khắc vợ (chồng), khắc cha. Lộc còn là ngang hòa, nếu gặp đất quan vượng là tốt, nhật nguyên yếu mà có thần lộc giúp đỡ lại gặp ấn sinh cát tinh trợ giúp thì sẽ thành sự nghiệp, là người có phúc.

Tai sát / Bạch Hổ (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Tai sát còn có tên Bạch Hổ, tính dữ dội mạnh, thường ở trước kiếp sát, xung phá tướng tinh nên gọi là tai sát. Tai sát sợ khắc, nếu gặp sinh lại tốt. Trong tứ trụ nếu gặp tai sát thì phúc ít họa nhiều. Sát chủ về máu me, chết chóc. Sát đi với thủy, hỏa phải đề phòng bỏng, cháy; đi với kim, mộc đề phòng bị đánh; đi với thổ phải đề phòng đổ sập, ôn dịch. Sát khắc thân là rất xấu, nếu có thần phúc cứu trợ, phần nhiều có quyền lực, cũng như kiếp sát, gặp quan tinh ẩn thụ là tốt.

Giảo (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba trước mệnh là giảo. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba sau mệnh là giảo. Giảo nghĩa là trói buộc, cột vào. Mệnh gặp Cấu Giảo hai sát đó thân bị khắc sát, nhưng nhiều cơ mưu, chủ về nắm các việc hình pháp hoặc là tướng soái, những việc sát phạt. Gặp cả hai Cấu Giảo càng nặng, gặp một thì nhẹ hơn, đi với quan sát thì nặng. Ngày hoặc tuế vận gặp giảo là chủ về tai nạn nát thân.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh. Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia. Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quân chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thể cho hung tinh.

Nếu mệnh kỵ kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua

được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Trụ năm gặp đất trường sinh để vượng

Trụ năm gặp đất trường sinh để vượng, không bị xung khắc, lại được lệnh tháng sinh là chủ về cha mẹ tinh nhanh, tháo vát, dung nhan đẹp, người khỏe trường thọ.

Can năm Quý Anh được lệnh tháng sinh là cha trường thọ

Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã

Can năm Quý Anh lâm trường sinh là cha mẹ có phúc và thọ.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phạm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị li dị.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giành tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hồng, nên gọi là tỉ kiếp khắc cha.

Chi năm Quý Anh bị tháng xung khắc là tượng mất mẹ

Chi năm bị tháng xung khắc là tượng mất mẹ, nếu có quan sát hỗn tạp vào là khắc cả cha lẫn mẹ.

Tứ trụ Quý Anh có Tỉ kiếp trùng trùng thì nhất định khắc cha.

Lệnh tháng Quý Anh khắc năm là cha mẹ không song toàn

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Trụ năm là thất sát, tỉ kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Trụ năm có thất sát, tỉ kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

Anh Em Huynh Dê

Tỉ kiếp Quý Anh gặp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Ngang vai Quý Anh gặp lộc là anh em có địa vị cao, gia đình hưng vượng.

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở trường sinh là anh chị em khỏe mạnh, tuổi thọ cao.

Lệnh tháng Quý Anh gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Canh Thân** hợp với Nữ tuổi Tân **Tuất** - **Ất Sửu** - **Mậu Thìn** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tùy ý chọn.

Trụ ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là vợ chồng đảm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Canh **Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Quý Anh có Thiên đức, nguyệt đức không bị những cái khắc làm nhiều loạn thì người đó áo gấm mũ vàng.

Vợ chồng Quý Anh có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.

Trụ ngày Quý Anh bị thương quan là vợ chồng không hòa thuận nhau, mình hay bị đối phương chửi.

Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.

Nam gặp tỉ kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tỉ kiếp sẽ tranh chồng.

Quý Anh Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Chi ngày Quý Anh là tí ngọ mao dậu thì vợ đẹp

Mệnh nam Quý Anh lấy suy làm hại.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Anh có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Tứ trụ không có tài là người đi theo tăng đạo, khó có vợ, có con.

Quý Anh có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn cửa.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu: "Cửa của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Quý Anh có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp cửa.

Thực thần Quý Anh có cát thần phù giúp thì giàu có tiếng.

Quý Anh thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì châu báu tự nhiên mà đến.

Quý Anh có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Quý Anh có Thực thần mà đến những năm đại vận và lưu niên nếu gặp Tỷ là tài vật hao tán.

Quý Anh Tỉ, kiếp nhiều nếu đến đại vận lưu niên mà gặp tỉ kiếp là năm đó phá tài, ra cửa quan (bị ra tòa).

Tứ trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quý Anh có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai họa liên miên.

Quan Vận

Quý Anh có Quan ở vượng địa, rạng rỡ tổ tông.

Quý Anh Ấn lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Thực Thần đới hợp, làm quan nắm quyền nắm con dấu (hợp Ấn).

Quý Anh có Thương Quan đới Ấn, nhậm chức chinh đồn kỷ cương trong triều.

Trong trụ Quý Anh Thương Quan gặp Quan, không có Tài thì không có chức vị.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Anh có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Thiên Quan Quý Anh bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Quý Anh Nhật yếu Thực Thương lại nhiều, sợ học.

Quý Anh có Thương Quan đới Ấn, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Anh có Thực đằng trước Sát đằng sau, người công danh hiển đạt (Thực tại năm tháng, Sát tại ngày giờ).

Quý Anh có Tỷ Kiên gặp Lộc, anh em danh cao.

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

Quý Anh có Thương Quan không có chút Tài tinh, tuy thông minh cơ xảo cũng chỉ hư danh hư lợi.

Nghề Nghiệp

Quý Anh có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Anh có Sát Ấn tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Sát Ấn tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Anh có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Nhật chủ quá yếu, hợp mấy nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ấn tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cứu lưu...

Thực Thần và Chính Ấn đồng trụ, mà Ấn là dụng thần, hợp nghề viết lách.

Nhật chi tọa Thương Quan hoặc thiên can thấu Thiên Quan, hợp nghề kỹ thuật, sản xuất, học giả.

Kim thủy Thương Quan, giỏi hùng biện, hợp những nghề ăn nói, MC, tuyên truyền...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủy

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủy, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hỏa khắc canh kim, giờ ngọ hỏa ở vượng địa, là lộc của đình hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tỵ là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Trong Tứ trụ tuế nguyệt có thương quan, kiếp tài là đưa con sinh ở nhà nghèo hèn.

Quý Anh có Thực nhiều là sữa nhiều hoặc sẽ gửi con nuôi nhà khác.

Trụ nhật Quý Anh làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Trong Tứ trụ Quý Anh chỉ có một thực thần và lộc rõ làm dụng thần thì có con và sống lâu.

Quý Anh có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Quý Anh Nữ mà thực nhiều, quan ít là chồng suy, con vượng.

Trụ giờ Quý Anh được trụ ngày phù trợ là người tuổi cao vẫn còn có con.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Trong Tứ trụ Quý Anh khi nào thực thần, thương quan chế ngự làm mất quan tinh thì mới có con.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Quý Anh có Thực thần đóng ở trụ giờ là con cái béo khỏe, đẹp.

Sinh vào ngày giờ canh thì mặt vuông, trán rộng.

Sinh vào giờ nhâm, quý là người mắt to, ham rượu, tính liều.

Người sinh vào các giờ tỵ, ngọ, mao, dậu là lúc sinh ra nằm ngửa.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Anh thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Hoa cái Quý Anh ở trụ giờ và thai là con nuôi.

Quý Anh Trong trụ có kim thủy thì đứa con chậm nói.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh có Tỷ kiên nhiều, cả đời ít ốm đau.

Quý Anh Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Anh Nhật yếu, Thực Thương nhiều, hay bị váng đầu.

Kim quá nhược hoặc tử tuyệt, chú ý khí hư, ho, da khô, đau khớp, lở loét, đi tiêu ra máu, hô hấp không thông suốt, dễ cảm mạo, nếu nặng thì có thể bị bệnh phổi.

Mộc bị kim khắc, đau gân cốt, đau sườn, đau lưng.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tỵ sửu dần mao...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như: Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điếu.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Dối	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiên Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiều**(Phiên Ấn, Thiên Ấn), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980	Trụ Tháng 04	Trụ Ngày 16	Trụ Giờ 17:17
<div>Thương Dưỡng</div> <div>CANH THÂN L.Quan</div> <div>Canh Mậu Nhâm</div> <div>Thương Kiếp Tài</div> <div>Dưỡng Q.Đối Mộ</div>	<div>Thương Dưỡng</div> <div>CANH THÂN Dưỡng</div> <div>Mậu Ất Quý</div> <div>Kiếp Sát T.Tài</div> <div>Q.Đối Q.Đối Dưỡng</div>	<div>Thần Tỷ Suy</div> <div>KY MUI Q.Đối</div> <div>Kỷ Ất Đinh</div> <div>Tỷ Sát Kiêu</div> <div>Suy Q.Đối Suy</div>	<div>T.Tài Dưỡng</div> <div>QUY DẬU Bệnh</div> <div>Tân Thực</div> <div>Mộ</div>

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái cái và tuổi già của Quý Anh

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình "thất sát hóa thành quyền

bính"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Ấn (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương. Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghẻ lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không

thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoản thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyền, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiểu thấu, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cầu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khẳng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T. Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khẳng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý

Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.
Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.
XemTuong.net